



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội
Tel: (+84).24. 3765 3338. Fax: (+84).24.3 765 3336.
Mã số thuế: 0102314051
Email: info@sabecohanoi.com.vn. Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số: 18/BSGHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI**
 - Mã chứng khoán: BSH
 - Địa chỉ trụ sở chính: A2- CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
 - Chức vụ: Thư ký Công ty.
 - Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2021.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Wang Thừa Đại



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0102314051 ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 23 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 23 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
	(từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Thành viên
	(đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hiền	Trưởng ban
	(từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)
Ông Đặng Thái Bình	Trưởng Ban
	(đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên
	(từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
	(đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Lê Viết Quý	Giám đốc
	(từ ngày 1 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Giám đốc
	(đến ngày 30 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Lê Viết Quý	Phó Giám đốc
	(đến ngày 30 tháng 4 năm 2021)
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



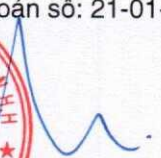
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00373-22-2




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		281.136.926.576	300.994.570.436
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	194.117.641.058	216.909.989.474
Tiền	111		6.617.641.058	3.109.989.474
Các khoản tương đương tiền	112		187.500.000.000	213.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.500.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	24.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.862.227.714	23.773.677.273
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	14.294.197.613	20.632.774.536
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		965.226.046	2.905.245.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		602.804.055	235.657.737
Hàng tồn kho	140	9	46.373.722.274	59.125.657.600
Hàng tồn kho	141		57.079.879.755	70.728.341.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.706.157.481)	(11.602.684.144)
Tài sản ngắn hạn khác	150		283.335.530	1.185.246.089
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		283.335.530	862.488.342
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	322.757.747
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		113.479.965.493	126.312.169.953
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		99.168.289.170	114.848.970.054
Tài sản cố định hữu hình	221	10	98.680.138.611	114.006.838.959
Nguyên giá	222		704.592.646.793	696.016.501.043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(605.912.508.182)	(582.009.662.084)
Tài sản cố định vô hình	227	11	488.150.559	842.131.095
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(923.791.030)	(569.810.494)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.300.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	7.300.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.001.676.323	11.453.199.899
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.816.591.626	9.092.059.820
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.185.084.697	2.361.140.079
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		394.616.892.069	427.306.740.389

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)


Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		98.892.154.120	155.999.427.635
Nợ ngắn hạn	310		98.672.888.123	155.796.411.385
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.843.802.805	9.072.844.764
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.108.744.653	1.010.317.797
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	68.838.215.439	71.490.422.269
Phải trả người lao động	314		6.555.378.025	4.583.539.586
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.058.502.830	1.421.187.772
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.416.428.430	7.211.872.555
Vay ngắn hạn	320	16	-	55.805.010.701
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	3.851.815.941	5.201.215.941
Nợ dài hạn	330		219.265.997	203.016.250
Dự phòng phải trả dài hạn	342		219.265.997	203.016.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		295.724.737.949	271.307.312.754
Vốn chủ sở hữu	410	18	295.724.737.949	271.307.312.754
Vốn cổ phần	411	19	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.598.480.839	51.181.055.644
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.055.934.950	33.317.916.690
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		50.542.545.889	17.863.138.954
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		394.616.892.069	427.306.740.389

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Việt Quý
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

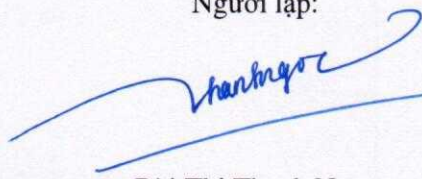
Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	564.299.991.169	551.172.717.878
Giá vốn hàng bán	11	24	482.775.945.572	503.742.730.843
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		81.524.045.597	47.429.987.035
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.117.943.139	5.794.707.779
Chi phí tài chính	22		1.017.529.654	777.342.670
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.005.810.285	726.012.816
Chi phí bán hàng	25	26	3.265.564.923	5.517.291.367
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	17.756.351.979	17.804.988.875
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		66.602.542.180	29.125.071.902
Thu nhập khác	31		3.870.964.707	757.477.418
Chi phí khác	32		1.593.451.474	93.901.937
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.277.513.233	663.575.481
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		68.880.055.413	29.788.647.383
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	14.310.454.142	7.364.836.254
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	176.055.382	(795.678.046)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		54.393.545.889	23.219.489.175
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.808	1.001

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	68.880.055.413	29.788.647.383
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	24.256.826.634	70.622.753.260
Các khoản dự phòng	03	(880.276.916)	3.978.390.231
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(7.099.597.434)	(5.768.642.526)
Chi phí lãi vay	06	1.005.810.285	726.012.816
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	86.162.817.982	99.347.161.164
Biến động các khoản phải thu	09	5.757.858.836	18.965.660.320
Biến động hàng tồn kho	10	13.648.461.989	(935.631.512)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(2.644.394.985)	5.925.732.073
Biến động chi phí trả trước	12	4.854.621.006	(3.394.234.461)
		107.779.364.828	119.908.687.584
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.035.623.921)	(726.012.816)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.574.373.592)	(12.865.485.087)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.325.520.694)	(6.341.743.434)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	90.843.846.621	99.975.446.247
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(5.943.418.477)	(6.351.858.118)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(82.500.000.000)	(42.200.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	50.700.000.000	80.700.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.912.234.141	(6.668.964.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.831.184.336)	25.479.177.436

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	568.554.915.229	527.247.253.520
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(624.359.925.930)	(481.742.242.819)
Tiền chi trả cổ tức	36	(27.000.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(82.805.010.701)	27.505.010.701
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(22.792.348.416)	152.959.634.384
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	216.909.989.474	63.950.355.090
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 6	194.117.641.058	216.909.989.474

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 163 nhân viên (1/1/2021: 172 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động của Công ty, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	143.724.651	166.984.643
Tiền gửi ngân hàng	6.473.916.407	2.943.004.831
Các khoản tương đương tiền	187.500.000.000	213.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	194.117.641.058	216.909.989.474

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,2% đến 3,5% một năm (1/1/2021: từ 3,0% đến 3,7% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 3,9% một năm (1/1/2021: Không).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 5,2% một năm (1/1/2021: Không).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	13.738.467.546	20.632.774.536
Các khách hàng khác	555.730.067	-
	14.294.197.613	20.632.774.536

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	13.738.467.546	20.632.774.536
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	365.913.240	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	556.426.376	-	-	-
Nguyên vật liệu	19.182.132.972	-	25.692.658.811	-
Công cụ và dụng cụ	15.321.124.837	(10.706.157.481)	16.068.412.003	(11.602.684.144)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.294.498.153	-	19.417.405.186	-
Thành phẩm	6.719.268.321	-	9.366.339.641	-
Hàng hóa	6.429.096	-	6.429.096	-
Hàng gửi đi bán	-	-	177.097.007	-
	57.079.879.755	(10.706.157.481)	70.728.341.744	(11.602.684.144)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	11.602.684.144 (896.526.663)	7.388.034.468 4.214.649.676
Số dư cuối năm	10.706.157.481	11.602.684.144

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	58.127.038.224	624.522.223.725	7.907.289.410	5.459.949.684	696.016.501.043
Tăng trong năm	-	1.225.231.818	-	-	1.225.231.818
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	7.350.913.932	-	-	7.350.913.932
Số dư cuối năm	58.127.038.224	633.098.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.592.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.201.217.362	548.248.914.511	5.554.188.091	3.005.342.120	582.009.662.084
Khấu hao trong năm	2.541.694.563	19.948.670.810	467.305.824	945.174.901	23.902.846.098
Số dư cuối năm	27.742.911.925	568.197.585.321	6.021.493.915	3.950.517.021	605.912.508.182
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	32.925.820.862	76.273.309.214	2.353.101.319	2.454.607.564	114.006.838.959
Số dư cuối năm	30.384.126.299	64.900.784.154	1.885.795.495	1.509.432.663	98.680.138.611

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 530.315 triệu VND (1/1/2021: 302.645 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	569.810.494
Khấu hao trong năm	353.980.536
Số dư cuối năm	923.791.030
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	842.131.095
Số dư cuối năm	488.150.559

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND (1/1/2021: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.659.872.111	1.432.187.709	9.092.059.820
Tăng trong năm	-	1.620.795.318	1.620.795.318
Phân bổ trong năm	(4.437.697.111)	(1.458.566.401)	(5.896.263.512)
Số dư cuối năm	3.222.175.000	1.594.416.626	4.816.591.626

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	1.922.892.000	969.612.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.546.159.544	479.627.918
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.369.173.262	789.512.405
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	823.677.556	1.786.421.190
Các nhà cung cấp khác	4.181.900.443	5.047.671.251
	<hr/>	<hr/>
	9.843.802.805	9.072.844.764

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.546.159.544	479.627.918
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co	105.770.044	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	62.403.000	68.200.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.754.767.610	563.251.357.676	(568.427.223.543)	-	58.578.901.743
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.310.454.142	(11.574.373.592)	(30.984.490)	2.705.096.060
Thuế giá trị gia tăng	7.735.654.659	111.455.379.823	(70.970.760.508)	(40.815.338.500)	7.404.935.474
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.174.434.755	(733.379.336)	(291.773.257)	149.282.162
	71.490.422.269	690.191.626.396	(651.705.736.979)	(41.138.096.247)	68.838.215.439

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.055.100.000	6.653.764.725
Phải trả ngắn hạn khác	361.328.430	558.107.830
	5.416.428.430	7.211.872.555

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	55.805.010.701	568.554.915.229	(624.359.925.930)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình (i)	VND	3,25%	-	55.805.010.701

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty có các hợp đồng vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với hạn mức tín dụng lần lượt là 70.000 triệu VND và 120.000 triệu VND. Các khoản vay này không có bảo đảm, chịu lãi suất thả nổi của từng ngân hàng tại ngày giải ngân và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	5.201.215.941	7.540.104.852
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	3.851.000.000	5.200.400.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	(874.879.306)	(1.197.545.477)
Sử dụng trong năm	(4.325.520.694)	(6.341.743.434)
Số dư cuối năm	3.851.815.941	5.201.215.941

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	50.120.371.213	270.246.628.323
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	23.219.489.175	23.219.489.175
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(5.200.400.000)	(5.200.400.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	1.197.545.477	1.197.545.477
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	(155.950.221)	(155.950.221)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	51.181.055.644	271.307.312.754
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	54.393.545.889	54.393.545.889
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(3.851.000.000)	(3.851.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	874.879.306	874.879.306
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	75.598.480.839	295.724.737.949



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 27.000 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2020: Đại hội đồng cổ đông quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 36.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 18.000 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2019).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	4.015.125.780	4.294.173.780
Từ hai đến năm năm	16.060.503.120	16.060.503.120
Sau năm năm	120.788.367.215	124.803.492.995
	140.863.996.115	145.158.169.895

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	130.915	2.978.267.053	11	242.571
EUR	105	2.818.949	111	2.965.950
		2.981.086.002		3.208.521

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	4.344.000.000
Đã được duyệt nhưng chưa kết hợp đồng	661.000.000	-
	661.000.000	4.344.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	560.421.546.288	547.012.381.872
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.123.672.903.964	1.135.207.037.366
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(563.251.357.676)	(588.194.655.494)
▪ Doanh thu khác	3.878.444.881	4.160.336.006
	<hr/>	<hr/>
	564.299.991.169	551.172.717.878
	<hr/>	<hr/>

24. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	483.148.599.694	499.465.336.867
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(896.526.663)	4.214.649.676
▪ Giá vốn khác	523.872.541	62.744.300
	<hr/>	<hr/>
	482.775.945.572	503.742.730.843
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.099.597.434	5.768.642.526
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.345.705	26.065.253
	<hr/>	<hr/>
	7.117.943.139	5.794.707.779
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.958.623.880	2.840.138.204
Chi phí nhân viên	866.882.260	1.350.295.104
Chi phí công cụ, dụng cụ	274.124.399	1.007.001.500
Chi phí bán hàng khác	165.934.384	319.856.559
	<hr/>	<hr/>
	3.265.564.923	5.517.291.367

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	10.138.856.608	9.559.081.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.865.909.562	4.689.258.427
Chi phí vật liệu văn phòng	1.250.194.905	1.002.861.275
Chi phí khấu hao và phân bổ	347.374.990	408.952.841
Chi phí quản lý khác	2.154.015.914	2.144.835.084
	<hr/>	<hr/>
	17.756.351.979	17.804.988.875

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	421.528.555.866	399.484.944.946
Chi phí khấu hao và phân bổ	24.256.826.634	70.622.753.260
Chi phí nhân viên	37.689.570.315	31.881.112.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.444.163.999	16.424.778.821
Chi phí khác	5.878.745.660	8.651.421.309
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	14.179.886.773	6.963.392.710
Dự phòng thiếu trong những năm trước	130.567.369	401.443.544
	14.310.454.142	7.364.836.254
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	176.055.382	(795.678.046)
	14.486.509.524	6.569.158.208

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.880.055.413	29.788.647.383
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.776.011.083	5.957.729.477
Chi phí không được khấu trừ thuế	579.931.072	162.733.297
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	47.251.890
Dự phòng thiếu trong những năm trước	130.567.369	401.443.544
	14.486.509.524	6.569.158.208

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	54.393.545.889	23.219.489.175
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.851.000.000)	(5.200.400.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>50.542.545.889</u>	<u>18.019.089.175</u>

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 18.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.075.395.166.830	1.057.564.244.829
Cung cấp dịch vụ	207.836.157	-
Mua nguyên vật liệu	327.986.333.549	305.036.357.997
Cổ tức đã trả	14.070.000.000	9.380.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	370.154.585	9.712.255.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	459.730.000	465.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Mua hàng hóa	-	72.800.000
Cổ tức đã trả	1.350.027.000	900.018.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hóa	808.364.180	479.272.950
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	97.480.000	692.951.280
Mua hàng hóa	11.382.076	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	-	53.318.389
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Mua hàng hóa	-	1.736.160
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	300.000.000
Ông Trương Hùng Dũng – Thành viên	91.000.000	120.000.000
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	91.000.000	120.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	91.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hà – Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)	70.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Lộc- Thành viên (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)	21.000.000	120.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

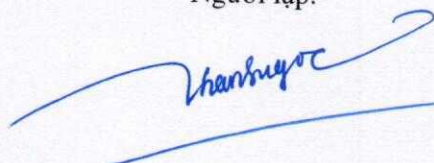
	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Ban Giám đốc		
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi	3.691.583.111	3.997.245.419
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Lê Thị Hiền - Trưởng ban (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)	260.000.000	-
Ông Đặng Thái Bình - Trưởng Ban (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)	54.384.615	269.723.077
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp - Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)	40.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nga - Thành viên	52.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hà - Thành viên (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)	12.000.000	72.000.000

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Việt Quý
Giám đốc

